

PHẠM VĂN KHUAI

GIÁO TRÌNH **HÁN NÔM**

DÀNH
CHO
DU
LỊCH



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA HÁN - NÔM TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH VÀ VẤN ĐỀ THIẾT KẾ GIÁO TRÌNH HÁN NÔM DÀNH CHO DU LỊCH

Đi thăm các miền đất nước, thưởng thức những cảnh đẹp kỳ thú do thiên tạo và nhân tạo vừa để nhẹ mình sau những ngày tháng lao động với những mùa, những vụ, vừa để nâng thêm hiểu biết, thâm nhập về đời sống của dân tộc, của cộng đồng... từ lâu đã trở thành khát vọng của du khách và khách hành hương. Những nơi khách du lịch thường lui tới là những nơi có thiên nhiên kỳ ảo, có khung cảnh văn hóa đậm nét nhân văn. Trong số đó, trở hết phải kể đến các di tích lịch sử - văn hóa như đền, chùa, miếu, đình, lăng tẩm, nhà thờ... mà trên đất nước ta thật nhiều (kể: Đền Hùng (Vĩnh Phú), động Tam Thanh (Lạng Sơn), đền Kiếp Bạc (Hải Dương), Yên Tử (Quảng Ninh), Phủ Giày (Nam Định), chùa Thầy, chùa Hương (Hà Tây), Văn Miếu, đền Ngọc Sơn, chùa Trấn Quốc, chùa Kim Liên, phủ Tây Hồ (Hà Nội), núi Non Nước (Ninh Bình), khu vực Hoàng Thành Đại Nội, các lăng tẩm của các vua Nguyễn, Văn Miếu (Huế), núi Non Nước (Quảng Nam), ở thị cổ Hội An, các chùa ở thành phố Hồ Chí Minh và Nam Bộ đến tận cả vùng Hà Tiên xa xôi...

Các di tích lịch sử văn hóa này đều chứa trong mình một bộ phận văn hóa, văn từ đáng chú ý: Văn hóa, văn từ Hán Nôm. Văn hóa, văn từ Hán - Nôm ở các nơi đây được tồn giữ và phát triển trong mọi dạng. Từ dạng như tấm biển báo du khách hãy dừng chân (hạ mã), đến di tích rồi, hay hàng chữ ghi tên di tích, các cặp

câu đối, đề từ, hoành phi - đại tự, các tấm bia ghi lại lịch sử của từng di tích hay tên những người đã góp công tôn tạo, trùng tu, giữ gìn để chúng còn lại với chúng ta đến ngày nay. Tất nhiên, những chỉ báo, giới thiệu về di tích đã được con người hiện đại giúp nhau hiểu ở những lời giới thiệu bằng chữ quốc ngữ và cả bằng tiếng Anh nữa. Nhưng hai hệ thống ngôn ngữ - văn tự trên đây không bao giờ có thể thay thế được hệ thống ngôn ngữ - văn tự chữ Hán - chữ Nôm vì những di tích chữ Hán - chữ Nôm gắn liền với những người đã đặt nền móng xây dựng, trùng tu các di tích hơn chúng ta nhiều lắm. Chữ Hán, chữ Nôm ở đây đã tăng thêm vẻ trang nghiêm và cũng là những lời chỉ dẫn về di tích có sức thuyết phục nhất. Du khách đến thăm quan chùa, đền, miếu mạo có thể hít thở những nét riêng của từng chùa, từng đền, từng miếu... qua dòng tên di tích ở ngay cổng ra vào. Ba chữ 雄王陵 *Hùng Vương lăng* hướng du khách về cội nguồn dân tộc. 玉皇山祠 *Ngọc Sơn từ* hướng cho du khách về đền Ngọc Sơn trong hồ Hoàn Kiếm. Bốn chữ 鎮國古寺 *Trấn Quốc cổ tự* dẫn du khách về một miền tịnh độ. Chùa giữ một vai trò đặc biệt trong đời sống tinh thần của đất nước. Trấn Quốc chùa xưa, cái chùa mà lại lịch sử, góc gác của nó gắn liền với việc dựng nước Vạn Xuân của vua Lý Nam Đế cách đây hơn chục thế kỷ theo truyền thuyết...

Tên của các di tích thường gọn gàng trong ba chữ là lời giới thiệu ngắn gọn về bản thân di tích, song du khách có thể hiểu hơn về di tích qua các cặp câu đối ở ngay tam quan (đặc biệt là cặp câu đối ở cổng chính mà chúng tôi gọi là cặp câu đối dẫn - cặp câu đối hướng dẫn, giới thiệu bao quát nhất về cảnh quan, đặc điểm riêng biệt trong thờ cúng của từng chùa, từng đền...). Có lẽ không ai khi đến thăm Hà Nội lại không ghé qua Kiếm Hồ, ngắm đền Ngọc Sơn, nơi có sơn, có thủy, nơi con người hòa với tự nhiên giữ lại một

vùng đô thị sản xuất. Đặc điểm chung về phong cảnh đền Ngọc Sơn đã được thể hiện ngay trong cặp câu đối dẫn ở tam quan:

臨水登山一路漸入佳景
尋源訪古此中無限風光

*Lâm thủy đăng sơn, nhất lộ tiệm nhập giai cảnh,
Tầm nguyên phỏng cổ, thử trung vô hạn phong quang.*

(Men nước lên non, một đường dần dần ta vào cảnh đẹp,
Tìm nguồn hỏi cổ, trong chốn này vô hạn về phong quang).

Thật khó có thể giới thiệu về cảnh quan đền Ngọc Sơn một cách súc tích như thế nếu chúng ta chỉ sử dụng những từ của ngôn ngữ hiện đại. Đọc nó ta tưởng như đang có người dẫn ta đến nơi giai cảnh đang trong mình bao nhiêu chuyện xưa. Nào vì núi Đục Tôn, (nơi tổng Tháp Bút), nào xưa thời Trịnh Giang, nơi đây là cung Khánh Thụy... rồi với bao sự việc có tính chất "quốc điển" của những năm đầu thế kỷ XIX khi Thăng Long đổi tên thành Hà Nội, thủ đô được đặt ở Huế, thành Hà Nội bị hạ cấp là thành của một tỉnh. Văn Miếu chuyển vào Huế thì mảnh đất đền Ngọc Sơn nay đang đứng là trụ sở của những người trong hội Hưởng thiện - những người trợ giúp khoa giáp theo Nho học. Phương Đình Nguyễn Văn Siêu một văn tài của Hà Nội đã góp công rất lớn sửa sang xây dựng và khuôn viên của đền Ngọc Sơn nay, về cơ bản mang dáng hình của lần sửa chữa ấy...

"Sơn", "thủy" "chuyện người xưa" vốn là nét riêng cho cụm du lịch Kiếm Hồ - Ngọc Sơn. Phong cảnh nước non đã đẹp nhưng cần phải có nhân tố con người, bởi vì: *Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc lạnh. Thủy bất tại thâm, hữu long tắc linh* (Núi chẳng vì cao, có tiên thì nổi tiếng; nước khôn vì sâu, có rồng thì hóa linh - Lưu Vũ Tích - Lậu thất minh). Đó cũng là một trong những khía cạnh tư tưởng của các bậc hiền triết xưa: *"Nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy"* - Bậc

nhân giả thì vui với cảnh núi non, bậc trí giả thì vui vầy với sông nước". Đền Ngọc Sơn còn thờ Trần Hưng Đạo để thể hiện nhấát nhân kiệt trong mối quan hệ với địa linh.

Văn Miếu Hà Nội lại là nơi có cảnh quan khác với đền Ngọc Sơn nhiều, mặc dù phía tây nam của Văn Miếu ngày xưa có hồ, nhưng là nơi thờ Khổng Tử và là nơi rèn giũa văn nghiệp cho các nhà Nho, cho nên, qua cặp câu đối dẫn ở ngoài nghi môn đầu thấy khác Ngọc Sơn nhiều lắm.

道若路然得其門而入
聖即天也不可階而升

*Đạo như lộ nhiên, đắc kỳ môn nhi nhập
Thánh tức thiên dã, bất khả giai nhi thăng.*

(Đạo như đường vậy ! Tìm được cửa thì vào
Thánh tức trời cao! Không thang nào với nổi).

Cặp câu đối dẫn đặc khí vị Nho. Đạo ở đây là đạo Khổng Mạnh, là con đường cho bất kỳ ai muốn vươn lên địa vị cao sang. Thời xưa theo lối truyền thống khi xưa chỉ dựa vào các kinh điển của Nho gia, ai mà nắm được các kinh điển, biết cách học (tìm được cửa) thì sẽ biết được đạo Nho và điều ấy cũng có nghĩa là có thể thăng tiến gia đình, nếu thi đỗ, thì vinh thân, phì gia... Song thánh (chủ Khổng Tử) là trời cao, chẳng thang nào với được, chẳng ai sánh được. Nói về đạo Nho, nói về thánh Khổng như thế cũng chính là cách nói bao quát duy nhất cho Văn Miếu.

Càng đi vào trong di tích thì từng bức đại tự, từng cặp câu đối ở từng địa điểm lại đi sâu vào các chi tiết có liên quan đến lịch sử văn hóa cụ thể và đều là những biểu hiện cho những truyền thống văn hóa quá khứ... Ngay cả dòng chữ thường thấy trên các cột nhà của nhiều nhà dân 乾元亨利貞 (càn: nguyên, hạo: nhĩ, lợi,

trình - đức của quê cần là: đứng đầu, hanh thông, có lợi và chính trực, vững tốt) cũng mang dấu ấn văn hóa quá khứ.

Nói đến văn hóa, vẫn từ Hán Nôm ở các di tích lịch sử - văn hóa không thể không nói đến văn khắc trên đá, trên đồng, trên gỗ... Hầu như mọi lễ miếu đều có bia đá. Nơi nào có bia đá nhiều có thể lập thành nhà bia riêng (bi đình). Bia đá ở từng nơi là những trang về lịch sử của bản thân di tích, lịch sử của đời sống cộng đồng và rộng hơn nữa là từng mảnh nhỏ của cuốn sử lớn về lịch sử của cả đất nước và dân tộc. Bia đá thường kể về sự tích, về lý do dựng chùa, dựng đền, dựng bia, về cảnh quan di tích. Bia đá cũng được dùng để ghi tên các thiện nam, tín nữ đã có lòng công đức cho công cuộc tạo tu...

Những điều nêu trên không nói nổi một trong muôn ức triệu lần giá trị của các di sản văn hóa, văn từ Hán - Nôm ở các cụm di tích lịch sử - văn hóa phục vụ hoạt động du lịch. Các di sản văn hóa Hán-Nôm quả là những tài liệu thiết thực giúp đỡ cho những người làm công tác giới thiệu du lịch. Nhưng muốn hiểu được các giá trị Hán - Nôm trong các di tích để phục vụ cho hoạt động du lịch, chúng ta phải có những cách tiếp cận đặc thù. Có thể nói đó là cách tiếp cận di sản Hán - Nôm ở các di tích từ góc độ lịch sử và văn hóa. Đương nhiên, vai trò ngữ văn ở đây cũng rất quan trọng, bởi vì các giá trị lịch sử - văn hóa kia được chuyển tải và cố định bằng cả phương tiện ngôn ngữ - văn tự. Những bức đại tự, những tám hoành phi, những đôi câu đối, những đề từ, những bài minh trên chông, những tám bia đá... đều là những sản phẩm ngôn từ, đều do những quy luật ngôn từ chi phối. Trong một quỹ thời gian có hạn, việc tiếp xúc các giá trị văn hóa, văn từ Hán - Nôm nếu như quá chú trọng đến các quy tắc ngôn từ có tính chất hàn lâm như tìm hiểu hệ thống ngữ pháp, cơ cấu vốn từ... thì dường như sẽ là quá tu khoát, viễn vông. Song không đề cập đến các vấn đề đó thì sẽ không thể nói được các phương thức diễn đạt của văn hóa Hán - Nôm ở các di tích. Và lại, sinh viên chuyên ngành du lịch

chưa được chuẩn bị về chữ Hán, cho nên, việc làm cho người đời học nhận ra được đặc thù ngôn ngữ của các văn bản Hán - Nôm là cần thiết, quan trọng trước nhất và phải đi từng bước một. Đó là phải đi từ những kết hợp từ ngữ đơn giản nhất. Hơn nữa, trong khi dạy chữ Hán, chữ Nôm phải kết hợp với các tri thức văn hóa quá khứ có tính chất tổng hợp đọng lại trong các di sản văn hóa, văn từ Hán - Nôm. Sau đó tiến hành dạy văn hóa, văn từ Hán - Nôm trực tiếp phục vụ cho công tác du lịch. Những điều trên sẽ là những vấn đề mấu chốt có tính chất phương pháp luận cho xây dựng giáo trình Hán-Nôm phục vụ du lịch.

Kinh nghiệm dạy và học chữ Hán cổ và các văn bản cổ ở Trung Quốc, Việt Nam và cả ở nhiều nước trên thế giới (ở Pháp, ở Anh, ở Đức, ở Nga...) cho thấy rằng dạy theo đôi, bắt đầu từ các đơn vị nhỏ nhất (từ) luôn là lối học được nhiều người sử dụng và có hiệu quả hơn cả. Bản thân những người sáng tạo ra những giá trị văn hóa, văn từ Hán - Nôm ở các di tích lịch sử cũng là các sản phẩm của lối dạy và học chữ Hán truyền thống. Dạy chữ trong sự liên hệ với các kết hợp từ có nghĩa để qua đó mà nhớ chữ. Không phải ngẫu nhiên mà cuốn *Thiên Tự văn* ra đời từ đời Lương (thế kỷ VI), quyển *Tam tự kinh* ra đời từ thời Tống cho đến bây giờ, nhiều nơi vẫn còn sử dụng và chúng được tái bản với số lượng rất lớn. Những người đi học chữ Hán khi xưa bắt đầu từ việc học chữ trong những kết hợp nhỏ (3 chữ, 4 chữ, 5 chữ rồi 7 chữ), học theo kinh truyện rồi làm câu đối, sau đó tiến tới làm các văn bản lớn hơn... Do vậy, để đọc các văn bản Hán Nôm ở các di tích phục vụ du lịch trước hết phải biết một số lượng chữ Hán nhất định cũng như các nguyên tắc cấu tạo chữ Nôm. Xuất phát từ những đòi hỏi có tính chất ngôn ngữ học và văn hóa của việc nghiên cứu di sản Hán - Nôm ở các di tích phục vụ hoạt động du lịch, chúng tôi thử đưa ra một mô hình kết cấu của giáo trình Hán-Nôm dành cho du lịch gồm 3 phần:

- Phần thứ nhất: Chữ Hán, chữ Nôm.

- Phần thứ hai: Hán-Nôm dành cho du lịch theo thể loại văn bản.
- Phần thứ ba: Hán-Nôm theo phân vùng du lịch.

Phần thứ nhất: *Chữ Hán, chữ Nôm* gồm 32 bài nhỏ. Mỗi bài thường gồm 2 tiết lên lớp.

Trên thực tế, phần này gồm hai bộ phận: *Bộ phận thứ nhất* gồm các nguyên tắc học chữ Hán mà hầu như giáo trình chữ Hán nào cũng phải có như: chữ Hán, cách viết chữ Hán, 6 phép cấu tạo chữ Hán cơ bản, 214 bộ chữ Hán, chiết tự - mẹo nhớ chữ Hán, viết chữ Hán mỹ thuật... *Bộ phận thứ hai* là phần *Độc bản* gồm những bài học chữ Hán cụ thể, ngắn gọn, thông dụng, mỗi bài thường có từ 20 đến 30 lần chữ xuất hiện, được bố trí trong 2 tiết học. Cuối phần *Độc bản* là 10 bài khóa dài hơn, bằng văn xuôi thường được lấy trong các tập truyện cổ tích như: *Hai Bà Trưng, Truyện bán lá chưng ạch, Đá vọng phu, Sự tích Tây Hồ, Mai An Tiêm, Thần Long Đỗ, Thần Đồng Cổ...* để chủ yếu dành cho việc nhớ lại chữ Hán. Cuối phần này là những nguyên tắc chính để cấu tạo chữ Nôm.

Phần thứ hai: *Hán-Nôm phục vụ du lịch theo thể loại văn bản.* Đây là phần trực tiếp phục vụ cho những người làm công tác du lịch. Công việc của họ khi hướng dẫn, khai thác du lịch có liên quan trực tiếp đến một số thể loại văn bản Hán-Nôm ở các địa điểm hay các di tích lịch sử - văn hóa phục vụ du lịch như: tên chữ Hán, chữ Nôm của các di tích, hoành phi - đại tự, câu đối, thẻ đề từ, vãn bia, minh trên chuông, khánh. Học đọc tên, nhận dạng tên, cấu trúc tên chữ Hán, các hoành phi - đại tự, câu đối, vãn bia sẽ là nội dung chủ yếu phục vụ công việc hướng dẫn và nghiên cứu du lịch. Phần này gồm 6 bài cụ thể. Bốn bài đầu (đọc tên chữ Hán, chữ Nôm các di tích lịch sử - văn hóa, hoành phi - đại tự, câu đối, vãn bia) đều được xây dựng theo mô hình, có ý nghĩa khái quát

đồng thời lại có minh họa cụ thể. Riêng hai bài cuối của phần này (để từ ở các di tích và chữ Hán, chữ Nôm trong tranh dân gian), chúng tôi chỉ giới thiệu bước đầu. Việc học các văn bản Hán-Nôm phục vụ du lịch theo thể loại ở đây còn lưu ý cho người đọc về các nguyên tắc xây dựng văn bản chữ Hán, xét về mặt ngôn ngữ học trên cái nền từ từ thức văn hóa Hán-Nôm phục vụ cho du lịch.

Học chữ Hán ở đây là học tên các di tích lịch sử và văn hóa vì chúng là những kết hợp đơn giản nhất... chủ yếu là kết hợp ba chữ... mà lại có ý nghĩa sâu xa (bởi vì việc chọn tên đầu có phần là đơn giản, người xưa đã lồng vào trong đó bao nhiêu ước vọng và chờ mong...). Hơn nữa việc học tên các di tích lịch sử - văn hóa sẽ là dịp người làm công tác du lịch làm quen với các vấn đề địa lý - văn hóa nhân văn, biết được địa điểm các chùa, đền, đình..., miếu mạo... Tất nhiên, trong khuôn khổ một bài học về tên các di tích lịch sử - văn hóa, không thể hy vọng giới thiệu được quá nhiều các di tích, song, như thế cũng là sự bắt đầu cho công tác du lịch từ góc độ văn hóa, văn từ Hán - Nôm.

Bước tiếp theo sẽ là đọc các bức đại tự ở các di tích. Đại tự là vấn đề rất phức tạp bởi vì khi soạn các đại tự này người xưa thường lấy chữ nghĩa từ các sách vở. Thật không dễ dàng gì để hiểu ngay ý nghĩa của các tám đại tự, song về mặt ngôn ngữ - văn tự, đây là những kết hợp văn tự tương đối ngắn (2 chữ, 3 chữ, 4 chữ là chủ yếu). Do vậy, đọc đại tự cũng là bước logic tiếp sau của việc học chữ Hán ở các di tích.

Trong các di tích lịch sử - văn hóa thường có câu đối. Xét về mặt ngôn ngữ - văn tự, câu đối hoàn chỉnh hơn, dài hơn, đầy đủ hơn về cú pháp và văn bản. Do vậy, bước tiếp theo đọc đại tự sẽ là đọc câu đối.

Ở các di tích, bia ký, minh văn... là các văn bản có độ dài hơn cả. Đó cũng là mục tiêu quan trọng của việc đọc Hán-Nôm ở các di tích. Do vậy, tiếp theo câu đối sẽ là học đến các văn bia, đến các bài minh...

Sự thiết kế có tính chất nhập đề trên đây của một khóa trình Hán-Nôm cho du lịch, theo chúng tôi, sẽ đáp ứng được hai yêu cầu. Yêu cầu thứ nhất có tính chất sự phạm và truyền thống của việc học chữ Hán đi từ những kết hợp ngôn ngữ - văn tự ở các cấp độ nhỏ đến các kết hợp ở các cấp độ lớn hơn. Song, cái quan trọng hơn là ở chỗ người học chữ Hán trong phạm vi khóa trình này sẽ làm quen với các di tích lịch sử - văn hóa một cách trực tiếp.

Hệ thống văn từ chữ Hán chữ Nôm ở từng địa điểm và trong tổng thể các địa điểm lịch sử - văn hóa phục vụ cho hoạt động du lịch, nói chung có tính chất phạm trù. Điều này thể hiện ở chỗ: Vốn chữ ighĩa ở các *đình*, dù ít dù nhiều, phải khác với *chùa*, ở *chùa* ít nhiều cũng khác với *miếu*...

Ngay cả những nơi có sự tổng hợp trong thờ (chẳng hạn ở những chùa tiền Phật, hậu Mẫu hay hậu Thánh) nhưng từng chỗ thờ như thế cũng có những ngôn ngữ đặc trưng. Nói đến Phật hay dùng những chữ: *thiền môn*, *cảnh*, *Phật*, *sắc*, *không*, *từ bi*, *thí xả*, *vô lượng*, *tây thiên*, *giác ngộ*... Nói đến nơi thờ Mẫu thì hay có những chữ như *tiền cảnh*, *Bồng Lai*, *Mẫu đức*, *Khôn đức*, *chung*, *dục*... Nói đến các đền thờ các nhân vật lịch sử "sinh vì lương tướng tề vì thần" thì thường có những chữ như: *anh linh*, *hiển thánh*, *võ linh*, *hộ quốc*, *tứ dân*... Điều ấy cho phép ta, ở những mức độ cho phép, liên tưởng đến các phạm trù ngôn ngữ - văn tự ở từng địa điểm. (Phạm trù ngôn ngữ - văn tự ở đây được hiểu theo phạm trù vốn từ). Việc nắm vốn từ theo chủ đề chùa, đình, quán